

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
CHUẨN ĐẦU RA CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐH NGOẠI NGỮ
ĐỢT THI NGÀY 13/7/2025**

ID	Họ và tên	Mã số sinh viên	Lớp	Cấp độ tiếng Anh dự	Ngày nộp lệ ph	Ghi chú
1	Lê Thị Yên	411200795	20CNACLC07	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	20/06/2025	
2	Thái Thanh Ngân	416210205	21CNQTHCLC01	Tiếng Anh bậc 4 (B2)	20/06/2025	
3	Phạm Quang Hiệp	411200483	20CNA11	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	20/06/2025	
4	Nguyễn Thị Thanh Hiền	411200738	20CNA13	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	23/06/2025	
5	Cao Thị Yến Ly	412170319	17CNTM01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	23/06/2025	
6	Võ Thị Thanh Tâm	412200295	20CNATMCLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	23/06/2025	
7	Lê Thị Kim Ngân	411200206	20CNA04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	23/06/2025	
8	Từ Thị Tuyết Mai	412170945	17CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	23/06/2025	
9	Chu Thị Trang	411200608	20CNACLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	24/06/2025	
10	Bùi Thị Trinh Nữ	411190643	19CNACLC06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	24/06/2025	
11	Huỳnh Thị Thanh Thảo	411200304	20CNA06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	24/06/2025	XIN HỦY
12	Hồ Thị Ánh Ngọc	411200086	20CNA01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	24/06/2025	
13	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	411200079	20CNA01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	24/06/2025	
14	Ngô Thị Nhung	411200380	20CNA08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	24/06/2025	
15	Nguyễn Huyền Trang	412171104	17cnatmclc03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	24/06/2025	
16	Nguyễn Thị Kiều	412190582	19 CNATMCLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	24/06/2025	
17	Võ Lê Minh Quân	416200087	21CNQTHCLC01	Tiếng Anh bậc 4 (B2)	25/06/2025	
18	Huỳnh Thị Quỳnh Hoa	412180206	18CNATM02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	25/06/2025	
19	Trần Thị Hồng Diễm	411170069	17CNA01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	25/06/2025	
20	Trần Đức Huy	411180749	18CNACLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	25/06/2025	
21	Phạm Thị Thu Thảo	412200359	20CNATMCLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	25/06/2025	
22	Võ Thị Trâm	4,12153E+11	16CNATM03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	25/06/2025	
23	Lê khánh ngọc dung	411170841	17CNACLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	25/06/2025	
24	Hồ thị như quỳnh	411171039	17CNACLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	25/06/2025	
25	Đinh Thị Mai Lưu	411200598	20CNACLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	26/06/2025	
26	Đỗ Thảo My	411190629	19CNACLC06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	26/06/2025	
27	Trần Thị Minh Nguyệt	411200250	20CNA05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	26/06/2025	
28	Bùi Vũ Ngọc Tuyền	411200352	20CNA07	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	26/06/2025	
29	Lê Thị Kim Tuyết	411200473	20CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	26/06/2025	
30	Võ Chế Khánh Chi	412210174	21CNADLCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	26/06/2025	

ID	Họ và tên	Mã số sinh viên	Lớp	Cấp độ tiếng Anh dự	Ngày nộp lệ ph	Ghi chú
31	Huỳnh Thị Cúc	412180112	18CNADL01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	26/06/2025	
32	Nguyễn Thục Uyên	411210674	21CNACLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	26/06/2025	
33	Nguyễn Thị Thảo	412200028	20CNADL01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	26/06/2025	
34	Nguyễn Ngọc Diệu Kỳ	411170916	17CNACLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	27/06/2025	XIN HỦY
35	Nguyễn Lê Linh Đan	411200798	20CNACLC08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	27/06/2025	
36	LÊ THỊ PHƯƠNG DUYÊN	411200650	20CNACLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	27/06/2025	
37	Đỗ Nữ Hoàng Trinh	411200819	20CNACLC08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	27/06/2025	
38	Nguyễn Thị Thu Thủy	412200271	20CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	27/06/2025	XIN HỦY
39	Trần Thị Lan Hương	412190580	19CNATMCLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	27/06/2025	
40	Đạt Nữ Ngọc Thoáng	412200070	20CNADL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	27/06/2025	
41	Võ Thị Thống	411180903	18CNACLC05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	27/06/2025	
42	Trần Thị Thu Thảo	412200109	20CNADL03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	27/06/2025	
43	Nguyễn Thuỳ Trang	411220543	22CNATT02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	27/06/2025	
44	Đoàn Thị Khánh Vi	416220139	22CNQTH01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	27/06/2025	
45	Nguyễn Hương Giang	411170118	17CNA11	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	27/06/2025	
46	Phan Thị Nguyệt	411170978	17CNACLC06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	27/06/2025	
47	Phan Thị Thanh Thảo	412200234	20CNATM03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	28/06/2025	
48	Huỳnh Thị Thanh Thảo	412190742	19CNATMCLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	28/06/2025	
49	Mai Thị Sa	411200422	20CNA09	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	28/06/2025	
50	Lê Thị Vân Anh	412200120	20CNATM01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	28/06/2025	XIN HỦY
51	Lương Kim Khánh	411200742	20CNA13	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	28/06/2025	
52	Võ Thị Thuỳ Dung	412170840	17CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	28/06/2025	
53	Dương Tấn Đạt	412200341	20CNATMCLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	28/06/2025	XIN HỦY
54	Đoàn Thị Khánh Linh	411200289	20CNA06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	28/06/2025	
55	Huỳnh Thị Minh Tâm	412200108	20CNADL03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	28/06/2025	
56	Đặng Thị Mỹ Yến	411190841	19CNACLC08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	28/06/2025	
57	Kiều Nguyễn Quỳnh Tiên	411200786	20CNACLC07	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	
58	Bùi Thị Thu Kiều	411200403	20CNA09	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	
59	Đỗ Thị Thanh Thủy	411200720	20CNACLC06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	
60	LÊ THỊ HUYỀN	412180752	18CNATMCLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	
61	Nguyễn Thị Lan Anh	412190484	19CNATMCLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	
62	Nguyễn Quỳnh Trang	411200549	20CNA12	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	
63	Trần Ngọc Nhật Thảo	412200265	20CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	
64	Lê Huyền Linh	411200120	20CNA02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	
65	Huỳnh Khánh Huyền	411190125	19CNA03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	
66	Lê Thị Diệp	411190062	19CNA07	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	

ID	Họ và tên	Mã số sinh viên	Lớp	Cấp độ tiếng Anh dự	Ngày nộp lệ ph	Ghi chú
67	Lê Thị Vân Khánh	411200594	20CNACLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	
68	Trần Ngô Thanh Mai	411180312	18cna02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	
69	Lê Thị Tường Qui	412200141	20CNATM01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	
70	Nguyễn Vũ Châu	411200769	20CNACLC07	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	
71	Vũ Thị Kim Ngân	411200333	20cna07	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	
72	Trần Thị Huyền Thương	411200139	20cna02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	29/06/2025	
73	Mai Kim Ngọc	411200631	20CNACLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
74	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	411171123	17CNACLC06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
75	Lê Thị Thanh Phương	411171019	17CNACLC06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
76	Huỳnh Thị Lệ Quyên	411200384	20CNA08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	XIN HỦY
77	Cao Thị Diệu Linh	412190162	19CNADL01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
78	Nguyễn Minh Giang	411200115	20CNA02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
79	Lê Thị Bảo Ny	411200693	20CNACLC05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
80	Phạm Thị Cẩm Ly	411190622	19CNACLC06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	XIN HỦY
81	Nguyễn Thị Huyền Trang	412170686	17CNADL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
82	Hồ Nguyễn Bảo Ánh	412180654	18CNATMCLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
83	Ngô Thị Hồng Nhung	411200634	20CNACLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
84	Nguyễn Thị Ngọc Chi	4,12321E+11	17CNADL01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
85	Lê Thị Lệ Thanh	412171055	17CNATMCLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
86	Hoàng Phương Thảo	412171059	17CNATMCLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
87	Trần Thị Ngọc Trinh	412190805	19CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
88	Trần Thị Diễm Thuý	411170600	17CNA02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
89	Ngô Thị Liên Phương	417190058	19CNJ02	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	30/06/2025	
90	Lê Huỳnh Vân Giang	411200563	20CNACLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
91	LÊ THỊ THUỶ TRANG	411200789	20CNACLC07	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
92	Trần Thị Thu Thương	411200184	20CNA03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
93	LÊ NHƯ MAI	411200713	20CNACLC06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
94	Trương Thị Mỹ Lệ	4,12321E+11	17CNADL01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
95	Nguyễn Thị Ngọc Hân	411180706	18CNACLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
96	Trần Lê Gia Khánh	412170251	17CNADL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
97	Hồ Thị Thu Thuý	412190768	19CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
98	Phạm Thị Bùi Tuyết	411200793	20CNACLC07	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
99	Nguyễn Thị Thuý Linh	411200712	20CNACLC06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
100	Nguyễn Thị Tố Chi	411180665	18CNACLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
101	Nguyễn Phương Nhi	411190682	19CNACLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
102	TRỊNH THỊ DIỆU HOÀ	412200212	20CNATM03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	

ID	Họ và tên	Mã số sinh viên	Lớp	Cấp độ tiếng Anh dự	Ngày nộp lệ ph	Ghi chú
103	H Khuê Ayun	4,11132E+11	17SPA02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
104	LÊ QUỐC TUẤN	412200274	20CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
105	Lê Minh Phương	411180866	18CNACL06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
106	Huỳnh Nguyễn Bảo Ngọc	412200017	20CNADL01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
107	MAI NGÔ NGỌC LÊ	412180769	18CNATMCLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
108	PHẠM MINH NGUYỆT	411190673	19CNACL04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	XIN HỦY
109	Nguyễn Đức Thọ	412180902	18CNATMCLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
110	Nguyễn Hồ Khánh Quỳnh	411200603	20CNACL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	30/06/2025	
111	Trần Hiền Ni	411190212	19CNA02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
112	Chế Thị Kim Ngân	411170961	17CNACL05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	XIN HỦY
113	Nguyễn Lê Thị Mỹ Duyên	412200252	20CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
114	LÊ THỊ KIM DUNG	411190046	19CNA08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
115	Nguyễn Thị Trà My	411200688	20CNACL05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
116	Trần Thị Kim Yến	411180640	18CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
117	Nguyễn Thị Huyền Trang	411190787	19CNACL08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
118	Trương Thị Cẩm Ly	411200165	20cna03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
119	Trần Mai Hạnh	411200709	20CNACL06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
120	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	411200539	20CNA12	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	XIN HỦY
121	LÊ THỊ KHÁNH LINH	411180774	18CNACL06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
122	Nguyễn Thị Diệu My	412180803	18CNATMCLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	XIN HỦY
123	Lê Thị Phương Ly	411200125	20CNA02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
124	Võ Phạm Yến Vỹ	412200080	20CNADL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
125	Hồ Thị Hương	411170227	17CNA07	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
126	Ngô Hà Khánh Quyên	412200142	21CNATM01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
127	Bạch Thái Thanh	411171054	17CNACL06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
128	Đặng Thị Thùy Linh	411200164	20CNA03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
129	Nguyễn Thị Xuân Nguyệt	411170395	17CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	XIN HỦY
130	Phạm Bích Ngọc	411210435	21CNA08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
131	Vũ Lê Khánh Thương	411200606	20CNACL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
132	Huỳnh Minh Tâm	411171048	17CNCL06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	01/07/2025	
133	Trần Thị Uyển Vy	413210115	21CNPTTSK01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
134	TRẦN THỊ NHƯ THẢO	411200544	20CNA12	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	3/7/2025	
135	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	417210077	22CNH01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
136	Nguyễn Ngọc Dung	411220311	22CNA09	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
137	Huỳnh Minh Thông	411220222	22CNA06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
138	Nguyễn Thị Thu Hà	415210092	21CNTTM01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	

ID	Họ và tên	Mã số sinh viên	Lớp	Cấp độ tiếng Anh dự	Ngày nộp lệ ph	Ghi chú
139	Nguyễn Thị Thanh Tâm	411220370	22CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
140	Phạm Quang Thành	411220106	22CNA03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
141	Nguyễn Văn Minh Thông	413220080	22CNPTTSK01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
142	Trịnh Thị Hạ My	413220068	22CNPTTSK01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
143	HỒ QUỐC HUY	411210174	21CNA02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
144	Ksor Mỹ lệ	411200082	20CNA01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
145	Bùi Hoàng Trúc My	411220485	22CNATT01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
146	Bùi Thị Hương Giang	412210179	21CNADLCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
147	Lê Thị Diễm	411220083	22CNA03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
148	Nguyễn Thị Thuý Ngàn	412210248	21CNATMCLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
149	Phan Thanh Hằng	411210622	21CNACL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
150	Nguyễn Doãn Minh Tâm	411220295	22CNA08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
151	Trần Duy Phước	412220024	22CNADL01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	XIN HỦY
152	Phan Minh Toàn	416220197	22CNQTHCLC01	Tiếng Anh bậc 4 (B2)	02/07/2025	
153	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	411210283	21CNA04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
154	Phạm Ngọc Linh	416210070	21CNDHPCLC01	Tiếng Anh bậc 4 (B2)	02/07/2025	
155	Lưu Thảo Nguyên	414210062	21CNNDL01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
156	Lương Thị Diễm Quỳnh	412210282	21CNATMCLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	XIN HỦY
157	Mai Xuân Hương	411210595	21CNACL01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
158	NGUYỄN THANH TRÍ	412210199	21CNADLCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
159	Lê Thị Hoài An	419220001	22SPA01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
160	Nguyễn Quỳnh Giang	419220004	22SPA01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
161	Dương Thuỳ Lê	415220153	22CNTTM01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
162	Lê Thị Hồng Hạnh	415220076	22CNTTM01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
163	Cao Thị Vân Anh	416220102	22CNQTH01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
164	Văn Thảo Vy	414210087	21CNNDL01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
165	Phạm Ngọc Tú My	415220123	22CNTTM02	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
166	Lý Thị Trà My	411220133	22CNA04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
167	Dương Thế Gia Hân	412200254	20CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
168	Trần Thị Khánh Huyền	415220151	22CNTTM01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
169	Phạm Trần Thảo Ly	415220157	22CNTDL01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
170	PHẠM THỊ PHƯỢNG	411220292	22CNA08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
171	TRẦN THỊ HẬU	415220111	22CNTTM01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
172	Trần Thị Tuyết Ngân	411220362	22CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
173	Trần Thị Thu Hằng	415220110	22CNTTM02	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
174	Nguyễn Phương Thảo	411220334	22CNA09	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	

ID	Họ và tên	Mã số sinh viên	Lớp	Cấp độ tiếng Anh dự	Ngày nộp lệ ph	Ghi chú
175	Nguyễn Thành Dũng	412210297	21CNATMCLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
176	Đặng Thị Phương Anh	413220060	22CNPTTSK01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
177	Lê Tiểu Loan	411210472	21CNA09	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
178	Nguyễn Thị Thuý Hiền	411190553	19CNACLC08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
179	Mai Thiên Di	411220417	22CNACLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	XIN HỦY
180	Trần Đình Thiên Thanh	411220432	22CNACLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	XIN HỦY
181	TRẦN THÚY HẠNH	411210340	21CNA06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
182	Hồ Thị Mai Duyên	411210620	21CNACLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
183	Trương Thị Diệu Huyền	415220046	22CNTTM01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
184	Phan Thị Tuyết Ngân	412220283	22CNATMCLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
185	Phạm Công Phú	412210280	21CNATMCLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	XIN HỦY
186	Doãn Thị Hằng Ny	411220366	22CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
187	Nguyễn Ngọc Phương Hằng	411200680	20CNACLC05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
188	Võ Anh Thư	414210073	21CNNDL01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
189	Phạm Việt Anh	416210125	21CNQTH03	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
190	Nguyễn Thị Thảo Như	412220132	22CNATM01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
191	Phan Thị Thu Hậu	417210192	21CNJCLC01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
192	Hà Thị Kiều Linh	411190601	19CNACLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	XIN HỦY
193	Tô Thị Thanh Trúc	415220136	22CNTTM02	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
194	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	412200210	20CNATM03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	XIN HỦY
195	Trần Như Quỳnh	412200326	20CNATMCLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
196	Võ Thanh Tuyền	412220078	22CNADL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
197	Trần Thanh Phương	414210067	21CNNDL01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
198	Nguyễn Kiều Oanh	411220063	22CNA02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
199	DƯƠNG THỊ KHÁNH LINH	412220197	22CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
200	Lương Thị Thu Uyên	411200670	20CNACLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	XIN HỦY
201	Đặng Thị Kim Ngân	411220135	22CNA04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
202	Hoàng Thị Hồng Nhi	412220131	22CNATM01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
203	Bùi Nguyễn Bảo Ly	413210095	21CNPTTSK01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
204	Dương Hoàng Linh Giang	411210504	21CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
205	Ngô Thị Mỹ Ly	412190189	19CNADL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	XIN HỦY
206	Ông Thị Huyền Trâm	411200787	20CNACLC07	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
207	Nguyễn Thị Sen	412220135	22CNATM01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
208	Hoàng kim song thư	412220139	22CNATM01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
209	Phạm Thị Minh Ánh	419220057	22SPT01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	02/07/2025	
210	Lương Thị Tuyết	411180958	18CNACLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	

ID	Họ và tên	Mã số sinh viên	Lớp	Cấp độ tiếng Anh dự	Ngày nộp lệ ph	Ghi chú
211	Nguyễn Huỳnh Thu Trang	416210217	21CNQTHCLC01	Tiếng Anh bậc 4 (B2)	02/07/2025	
212	Nguyễn Thanh Thuý	412210074	21CNADL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
213	Bạch Hoàng Khánh Đan	412220271	22CNATMCLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
214	Võ Huỳnh Nguyên Chung	4,12161E+11	16CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2025	
215	Đặng Lê Thành Đô	411220005	22CNA01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	02/07/2026	
216	Nguyễn Thị Thảo Mai	411220170	22CNA05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
217	Ngô Thị Minh Nguyệt	411210226	21CNA03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
218	Đỗ Thị Thanh Tâm	411190321	19CNA02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
219	NGUYỄN THỊ THUỶ TRANG	411210534	21CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
220	Huỳnh Bùi Kiều My	411210628	21CNACLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
221	Kpa H Rawi	412200209	20cnatm03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
222	H Mai Niê	412200100	20CNADL03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
223	Hồ Thị Anh Tiền	412210076	21CNADL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
224	Tran Thi Thu Nguyet	413210026	21CNP01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	Chưa nộp	
225	Lê Thị Hồng Nhung	411200692	20CNACLC05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
226	Đặng Ngọc Thu Trang	412210319	21CNATMCLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
227	Phạm Thị Việt Trinh	412210166	21CNATM02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
228	Nguyễn Tố Uyên	411210160	21CNA01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
229	Nguyễn Bùi Hạ My	412200315	20CNATMCLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
230	Nguyễn Thị Vân Anh	412210172	21CNADLCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
231	Trần Huệ Trân	412210198	21CNADLCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
232	Phạm Thị Vỹ	411180634	18CNA03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
233	Trần Thị Na	411200373	20CNA08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
234	Nguyễn Thị Tố Khuyên	411190596	19CNACLC06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
235	Trần Thị Mỹ Nhi	411220365	22CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
236	Đậu Lê Phương Anh	411210415	21CNA08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
237	Trần Thị Huyền	412210302	21CNATMCLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
238	Nguyễn Hoàng Khương	411210715	21CNACLC05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
239	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	411220375	22CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
240	Lê Minh Huyền	412210097	21CNATM01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
241	Nguyễn Thị Kiều Nhiên	411210479	21CNA09	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
242	Lê Phan Lam Nhi	412210278	21CNATMCLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
243	Phan Thị Thảo	411210278	21CNA04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
244	Phan Thị Hồng Thẩm	411210444	21CNA08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
245	Nguyễn Thị Quý Duyên	411210679	21CNACLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
246	Lê Trần Yến Vi	412210203	21CNADLCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	

ID	Họ và tên	Mã số sinh viên	Lớp	Cấp độ tiếng Anh dự	Ngày nộp lệ ph	Ghi chú
247	Lê Trần Ánh Minh	412210187	21CNADLCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
248	Phan Nguyễn Ngọc Thanh	411210528	21CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
249	VÕ HÀ THỰC NHI	41620207	21CNQTHCLC01	Tiếng Anh bậc 4 (B2)	Chưa nộp	
250	Nguyễn Thị Bích Nga	411210689	21CNACLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
251	TRẦN THỊ PHAN DUNG	412210267	21CNATMCLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
252	Nguyễn Thị Huệ	411210653	21CNACLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
253	Huỳnh Thị Trà Giang	411210379	21CNA07	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
254	TRẦN LÊ PHƯƠNG NHI	412210190	21CNADLCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
255	Nguyễn Đoàn Phương Dung	411210590	21CNACLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
256	Nguyễn Thị Thu	411210280	21CNA04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
257	Lưu Thị Quỳnh Trang	411210731	21CNACLC05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
258	Ngô Thị Dung	411210419	21CNA08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
259	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	412200273	20CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
260	Nguyễn Thanh Tiên	412210035	21CNADL01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
261	PHẠM THỊ TIỀN	412200272	20CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
262	Phạm Thị Hồng Phượng	411210695	21CNACLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
263	Hồ Văn Phước	411210230	21CNA03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
264	Nguyễn Thị Hồng Nhung	411210693	21CNACLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
265	Lý Hoài Đức	411200588	20CNACLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
266	Lê Thị Thuỳ Trang	411200581	20CNACLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
267	Lâm Mỹ Di	412210085	21CNATM01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
268	Võ Thị Hồng Nhung	411210438	21CNA08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
269	Lê Thị Thanh Trà	412210120	21CNATM01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
270	HUỲNH THỊ NGỌC HUYỀN	412210013	21CNADL01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
271	Trần Văn Phi Hoàng	412210011	21CNADL01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
272	Đinh Thị Diễm Phúc	411210397	21CNA06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
273	Nguyễn Thị Bích Đào	415220107	22CNTTM02	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	Chưa nộp	
274	Phan Thị Thuỳ Nhung	411220329	22CNA09	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
275	Đặng Xuân Nhi	411220328	22CNA09	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
276	Nguyễn Trung Hưng	412210240	21CNATMCLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
277	Châu Bảo Trân	412210228	21CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	XIN HỦY
278	Phạm Thị Bích Ngân	412210217	21CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
279	Trần Thị Ánh Quyên	412200263	20CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
280	Nguyễn Thị Đàm Chung	412210295	21CNATMCLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
281	Phạm Quỳnh Thư	412210225	21CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	XIN HỦY
282	Bùi Thị Giang	412200045	20CNADL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	

ID	Họ và tên	Mã số sinh viên	Lớp	Cấp độ tiếng Anh dự	Ngày nộp lệ ph	Ghi chú
283	PHAN LÊ THANH THUÝ	412210226	21CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
284	Võ Thị Mỹ	412210103	21CNATM01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
285	Phan Thị Thuỳ Linh	412220123	22CNATM01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
286	Mai Thị Mỹ Huệ	412210095	21CNATM01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
287	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	412210191	21CNADLCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
288	Bùi Diễm Ly	412210245	21CNATMCLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
289	Lê Thị Thuỳ Trang	412210229	21CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
290	Trần Thị Ngọc Thuý	412210257	21CNATMCLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
291	Nguyễn Thị Phương Thảo	412210255	21CNATMCLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
292	Dương Thị Hương Giang	419200193	20CNA04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
293	Phan Thị Minh Thanh	412200264	20CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
294	Phan thảo nguyên	412210060	21CNADL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
295	Huỳnh Thị Hương	411210743	21CNACLC06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
296	Trần Lê Hậu Phương	411210754	21CNACLC06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
297	Lê Hồng Lam	411200364	20CNA08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
298	Nguyễn Huyền Trang	412190786	19CNATMCLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
299	Trần Thị Mai	412190197	19CNATM01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
300	Phan Thanh Thảo	411200135	20CNA02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
301	Nguyễn Thị Thanh Thảo	412200235	20CNATM03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
302	Huỳnh Thị Vân	412210169	21CNATM02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
303	Dương Thị Thu Hương	411210510	21CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
304	ĐỖ THỊ KIM DUNG	411210335	21CNA06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
305	Bùi Trúc Linh	411210716	21CNACLC05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
306	Lữ Thị Anh	412210042	21CNADL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
307	Nguyễn Việt Hoàng	411200485	20CNA11	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
308	Nguyễn Thị Thu Trang	411200791	20CNACLC07	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
309	Nguyễn Phan Thị Như Ý	411171165	17CNACLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
310	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	411200495	20CNA11	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
311	Đỗ Hồng Thắm	412210312	21CNATMCLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
312	Lê Thị Như Uyên	411210538	21CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
313	Phạm Thị Ngọc Mai	411200168	21CNA03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
314	Võ Thị Thuỳ Trang	411200552	20CNA12	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
315	Lương Thị Ái Vi	411220343	22CNA09	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
316	Bùi Nguyễn Quốc Thịnh	411210669	21CNACLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
317	Hoàng Thị Phương Thuý	411210155	21CNA01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
318	Nguyễn Thị Thu Thuý	411210640	21CNACLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	

ID	Họ và tên	Mã số sinh viên	Lớp	Cấp độ tiếng Anh dự	Ngày nộp lệ ph	Ghi chú
319	Nguyễn Thị Nhung	411210723	21CNACLC05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
320	Nguyễn Lâm Bảo Ngọc	411200809	20CNACLC08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
321	Nguyễn Thị Minh Thu	412200190	20CNATM02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
322	Trần Thị Thanh Ngân	411210748	21CNACLC06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
323	Ngô Thị Huyền Trâm	411210759	21CNACLC06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
324	Nguyễn Linh Nhi	411200600	20CNACLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
325	Trần Trí Quân	411220103	22CNA03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
326	Võ Thị Kim Yến	415220140	22CNTTM01	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	Chưa nộp	
327	Nguyễn Mạnh Dũng	411200676	20CNACLC05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
328	Nguyễn Thị Thanh Thủy	412180527	18CNATM02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
329	Vũ Hương Thảo	412210070	21CNADL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
330	Trần Thị Bảo Ngọc	411210477	21CNA09	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
331	Trần Thị Linh Đoàn	411210293	21CNA05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
332	Võ Thị Thanh Tâm	416210212	21CNQTHCLC01	Tiếng Anh bậc 4 (B2)	Chưa nộp	
333	Trịnh Thị Mỹ Lan	411210512	21CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
334	ATiếng Tiếng	412220074	22CNADL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
335	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	411210525	21CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
336	Lê Nguyễn Tường Vy	412200079	20CNADL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
337	Phạm Việt Quang	411210315	21CNA05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
338	Nguyễn Quang Trường	411210495	21CNA09	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
339	Võ Thị Ngọc Trâm	412210037	21CNADL01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
340	Trần Đặng Bảo Quyên	411200661	20CNACLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
341	Bạch Hoàng Khánh Linh	411200595	20CNACLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
342	Nguyễn Thị Phương Thảo	411200508	20CNA11	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
343	ĐỖ THỊ THUÝ HẰNG	412180709	18CNATMCLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	XIN HỦY
344	Alăng Hải Yến	411210372	21CNA06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
345	Nguyễn Nhật Vy	411200435	20CNA09	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
346	Huỳnh Nguyễn Diệu Thảo	412200331	20CNATMCLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
347	Phạm Thị Kim Thoa	411210238	21CNA03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
348	Đinh Đỗ Quỳnh Giang	411210591	21CNACLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
349	Huỳnh Thị Diễm Trinh	411210369	22CNA06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
350	Nguyễn Thị Kiều My	411210474	21CNA09	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
351	Nguyễn Thị huế	411200524	20cna12	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
352	ĐOÀN VĂN TÀI	412210283	21CNATMCLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
353	Trần Thị Lan Hương	411210426	21CNA08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
354	Nguyễn Thị Hạnh	412210239	21CNATMCLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	

ID	Họ và tên	Mã số sinh viên	Lớp	Cấp độ tiếng Anh dự	Ngày nộp lệ ph	Ghi chú
355	KSOR THẮM	411200341	20CNA07	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
356	Tạ Khánh Mi	411210473	21CNA09	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
357	Vũ thị như Quỳnh	411210696	21CNACLC04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
358	Nguyễn Diệu Trà	411210576	21CNATT01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
359	Huỳnh Thị Bích Trâm	411210198	21CNA02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
360	Hoàng Huỳnh Bích Trâm	412190794	19CNATMCLC01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
361	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	412200194	20CNATM02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
362	Đặng Văn Anh Quốc	411210357	21CNA06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
363	Nguyễn Mỹ Quyên	412200294	412200294	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
364	Trần Thị Hải	411210339	21CNA06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
365	Nguyễn Thị Lệ Ngân	411180344	18CNA04	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
366	NGUYỄN THỊ LOAN	411180783	18CNACLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
367	Nguyễn Tấn Viễn	411200394	20CNA08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
368	Nguyễn Thị Bảo Ngân	411180816	18CNACLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
369	Nguyễn Thị Trà Giang	411180697	18CNACLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
370	Lê Quang Kiên	412210054	21CNADL02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
371	Đinh Thị Ngọc Ánh	411170026	17CNA08	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
372	Dương Thị Mỹ Yến	414210488	21CNNDL01	Tiếng Anh bậc 4 (B2)	Chưa nộp	
373	Huỳnh Võ Hải Vân	411210329	21CNA05	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
374	Lê Thị Quỳnh Duyên	411210650	21CNACLC03	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
375	Thái Thị Thanh Thủy	411200096	20CNA01	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	XIN HỦY
376	Nguyễn Thị Thùy Tâm	411170529	17CNA10	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
377	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	411200279	20CNA06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
378	Cao Tố Tâm	411210756	21CNACLC06	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	
379	Trần Hà Linh	411210627	21CNACLC02	Tiếng Anh bậc 5 (C1)	Chưa nộp	